TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2025/DS-ST
Ngày 08 - 9 - 2025
Về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và bà Nguyễn Thị Nhàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54A/2025/QĐSTXX-DS ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Thuý H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà 26, đường T, tổ dân phố 5, thị trấn N, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố 5, phường Y, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị Thuý H: Bà Ong Thị T và bà Ngô Thị T – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Vũ Anh H; địa chỉ: số 487, đường H, phường G, tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn S, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Vũ Thị Thúy H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Ngô Thị T trình bày*: Giữa bà và anh Phan Văn S không có mối quan hệ gì, chỉ là quen biết

ngoài xã hội. Vì biết anh S công tác tại công an tỉnh Bắc Giang nên bà đã tin tưởng đồng ý cho anh Sơn vay số tiền 4000USD (Đô la Mỹ), cụ thể: Ngày 3/2/2010, bà cho anh Sơn vay 1.000 USD (Một nghìn Đô la Mỹ), thỏa thuận tiền lãi là 600.000 đồng/tháng; ngày 22/2/2010, bà cho anh Sơn vay 3.000 USD (Ba nghìn Đô la Mỹ), thỏa thuận tiền lãi là 1.800.000 đồng/tháng.

Cả hai lần vay tiền, anh S đều tự tay viết Giấy vay tiền, ký, ghi rõ họ tên mình vào Giấy vay và giao lại giấy gốc cho bà giữ. Trong cả hai Giấy vay tiền trên, anh S đều ghi rõ *"Khi cô H cần, tôi có trách nhiệm trả cô H số tiền trên bằng USD và lãi hàng tháng".* Tuy nhiên, kể từ khi vay đến nay, mặc dù bà đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cũng như gặp trực tiếp để hối thúc việc trả tiền vay và tiền lãi nhưng anh S không chịu trả và còn có thái độ lảng tránh, cố ý không thanh toán tiền vay và tiền lãi cho bà. Tại thời điểm cho anh Sơn vay 4.000 USD nêu trên, bà không tìm hiểu pháp luật về việc nhà nước cấm cá nhân trong nước giao dịch, cho vay bằng ngoại hối. Đến nay, khi chuẩn bị làm thủ tục khởi kiện đòi anh Sơn trả tiền vay 4.000USD bà mới biết được quy định này nên bà xác định việc cho vay tiền Đô la Mỹ giữa bà và anh S nêu trên bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Nay bà khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề sau:

+ Tuyên bố giao dịch vay tài sản ngày 3/2/2010 giữa bà Vũ Thị Thuý H và anh Phan Văn S về việc vay 1000USD (Một nghìn đô la Mỹ) bị vô hiệu.

+ Tuyên bố giao dịch vay tài sản ngày 22/2/2010 giữa bà Vũ Thị Thuý H và anh Phan Văn S về việc vay 3.000USD (Ba nghìn đô la Mỹ) bị vô hiệu.

+ Giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu: Yêu cầu anh Phan Văn S phải trả lại cho bà Vũ Thị Thuý H số tiền 4.000USD (Bốn nghìn Đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước (khu vực 12) cung cấp ngày 23/7/2025 là 25.177 VND/1 USD, cụ thể: 4000USD x 25.177 VND/1 USD = 100.708.000đồng.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Phan Văn S trình bày:* Anh công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang từ năm 2000 đến khoảng năm 2011 thì nghỉ việc xin ra khỏi ngành. Anh thừa nhận có vay của bà H tổng số tiền 4000USD (Đô la Mỹ), cụ thể: Ngày 3/2/2010 vay 1000USD; ngày 22/2/2010 vay 3000USD như bà H trình bày là đúng. Anh xác định chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền ngày 3/2/2010 và ngày 22/2/2010 do bà H cung cấp cho Toà án là của anh. Từ khi vay tiền đến nay anh chưa trả tiền

gốc và tiền lãi cho bà H. Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu các giao dịch vay tiền ngày 3/2/2010 và ngày 22/2/2010 giữa bà H và anh, đồng thời giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu buộc anh phải trả bà Hiền số tiền 4.000USD (Bốn nghìn đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước (khu vực 12) cung cấp ngày 23/7/2025 là 25.177 VND/1 USD, cụ thể: 4000USD x 25.177 VND/1 USD = 100.708.000đồng, anh hoàn toàn nhất trí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 121, 122, 127, 128, 137 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26, Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố giao dịch dân sự cho vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu, đồng thời giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 4.000 USD (đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng nhà nước công bố ngày 23/7/2025 là 1 USD = 25.177VND, cụ thể: 4000USD x 25.177VND/1 USD = 100.708.000đồng.

+ Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Hiền không phải chịu án phí theo quy định. Anh Phan Văn S phải chịu án phí về tuyên bố hợp đồng vô hiệu là 300.000 đồng và án phí về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trên số tiền 100.708.000đồng, cụ thể: 100.708.000đồng x 5% = 5.035.400 đồng. Tổng cộng cả hai loại án phí, anh Phan Văn S phải chịu: 300.000đồng + 5.035.400 đồng = 5.335.400 đồng.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Bắc Ninh và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn đề nghị tuyên bố hợp đồng vay tài sản vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nay Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tài sản vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ tại xã Đ, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh), do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực) là phù hợp với quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Các đương sự thực hiện giao kết hợp đồng vào năm 2010, nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng để giải quyết vụ án.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Tại Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thời hiệu yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu như sau :

"1. Thời hiệu yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại các điều từ Điều 130 đến Điều 134 của Bộ luật này là hai năm, kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập.

2. Đối với các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 128 và Điều 129 của Bộ luật này thì thời hiệu yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế".

Trong vụ án này xác định thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 136 đã viện dẫn ở trên. Do vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu trong vụ án này là không bị hạn chế nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp của hai hợp đồng vay tài sản: Vào các ngày 3/2/2010 và ngày 22/2/2010, bà H và anh S có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản, trong đó bà H là bên cho vay, anh S là bên vay. Tài sản cho vay là Đô la Mỹ, cụ thể:

+ Ngày 3/2/2010 bà H cho anh S vay 1.000 USD (Một nghìn đô la Mỹ), thoả thuận tiền lãi là 600.000 đồng/tháng.

+ Ngày 22/2/2010, bà H cho anh S vay 3.000 USD (Ba nghìn đô la Mỹ), thỏa thuận tiền lãi là 1.800.000 đồng/tháng.

Trong hợp đồng các bên có thỏa thuận lãi nhưng không ghi thời hạn trả nợ. Sau khi lập hợp đồng xong, bà H đã giao tiền cho anh S đầy đủ. Theo lời khai ban đầu anh S không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền là của anh, tuy nhiên anh không đề nghị Tòa án trưng cầu giám định. Sau anh S thay đổi lời khai và xác định anh có vay tiền của bà H, chữ ký chữ viết trong các giấy vay tiền do bà H cung cấp cho Tòa án đề ngày 3/2/2010 và ngày 22/2/20210 là của anh.

Căn cứ vào các Điều: 121, 122, 123, 124, 471, 473, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì các bên thực hiện giao dịch đúng về mặt chủ thể, hình thức, mục đích và bên cho vay đã giao tài sản là 4.000 USD (Đô la Mỹ) cho bên vay đầy đủ.

Tuy nhiên tại điểm b Điều 122 quy đinh về: Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:*"b. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật...".* Tại Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 quy định: *"Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối...".*

Các bên giao dịch với nhau bằng Đô la Mỹ là ngoại hối. Như vậy nội dung của hợp đồng đã vi phạm điều cấm. Tức là các bên giao kết hợp đồng vay tài sản bằng USD (Đô la Mỹ) là không được phép. Như vậy 2 hợp đồng vay tài sản trên bị vô hiệu theo quy định của Điều 127 và Điều 128 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Bà Hiền yêu cầu tuyên bố hai hợp đồng vay tài sản trên vô hiệu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Tại Điều 137 của Bộ luật dân sự 2005 quy đinh: *"Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: 1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. 2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường".*

Như vậy hợp đồng vô hiệu không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập hợp đồng, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền. Do đó anh S phải hoàn trả lại toàn bộ tài sản đã nhận là 4.000 USD cho bà H. Tuy nhiên tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 đã viện dẫn ở phần trên và khoản 13 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối năm 2013 quy định mọi giao dịch, thanh toán bằng ngoại hối đều không được phép. Nên cần quy đổi ra giá trị tương đương bằng đồng Việt Nam để buộc anh S trả lại cho bà H là phù hợp.

Cụ thể : Theo đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị tính theo giá ngoại hối tại thời điểm xét xử, tuy nhiên quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án tính theo giá ngoại hối do Ngân hàng nhà nước (chi nhánh khu vực 12) đã cung cấp ngày 23/7/2025 là 1 USD = 25.177 VND, cụ thể: 4000USD x 25.177VND/1 USD = 100.708.000đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Anh Phan Văn S phải chịu án phí về tuyên bố hợp đồng vô hiệu là 300.000 đồng và án phí về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trên số tiền 100.708.000đồng, cụ thể: 100.708.000đồng x 5% = 5.035.400 đồng. Tổng cộng cả hai loại án phí, anh Phan Văn S phải chịu: 300.000đồng + 5.035.400 đồng = 5.335.400 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Vũ Thị Thuý H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 121, 122, 123, 124, 127, 128, 137, 471, 473 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30/12/016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí lệ phí Toà án ngày 27/02/2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Thúy H, tuyên bố các giao dịch vay tài sản sau vô hiệu:

- Giao dịch vay tài sản ngày 3/2/2010 giữa bà Vũ Thị Thuý H và anh Phan Văn S về việc vay 1000USD (Một nghìn Đô la Mỹ).

- Giao dịch vay tài sản ngày 22/2/2010 giữa bà Vũ Thị Thuý H và anh Phan Văn S về việc vay 3.000USD (Ba nghìn Đô la Mỹ) .

2. Buộc anh Phan Văn S phải trả lại cho bà Vũ Thị Thúy H là 4.000USD (Đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 23/7/2025 là 100.708.000đồng (*Một trăm triệu bảy trăm linh tám nghìn Việt Nam đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bà Vũ Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Buộc anh Phan Văn S phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 5.335.400 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1- Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Thủy

Tuy nhiên, phần văng này đã xiên vào giữa cạnh phía Bắc của thửa đất tạo thành một hình tứ giác với diện tích 0,5m2. Đồng thời nếu không tháo dỡ phần

văng lấn sang của ngôi nhà mà trong trường hợp gia đình chị Vân xây dựng nhà thì không thể xây thẳng thửa đất mà phải xây lượn qua phần văng này. Nếu như vậy sẽ không đảm bảo tính thẩm mỹ của ngôi nhà và không đảm bảo cho quyền lợi của gia đình chị Vân.